

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 24-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về “thi hành Điều lệ Đảng”;
- Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị “về công tác quy hoạch cán bộ”;
- Căn cứ Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương “một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ”;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về công tác quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý; áp dụng đối với cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là “cán bộ, công chức, viên chức” gọi chung là cán bộ) trong hệ thống chính trị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “*Quy hoạch cán bộ*” là công tác phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhằm tạo nguồn và xây dựng đội ngũ cán bộ một cách chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.
2. “*Quy hoạch động*” là định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung để đưa ra khỏi

quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc không phù hợp với cơ cấu và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, triển vọng phát triển.

3. “*Quy hoạch mở*” là quy hoạch không khép kín trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương mà mở rộng nguồn nhân sự từ nơi khác để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. “*Tuổi quy hoạch*” là tuổi đời của cán bộ tính từ thời điểm mà cán bộ được đề nghị quy hoạch vào các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

5. “*Nhân sự từ nơi khác*” là nhân sự không trong biên chế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. “*Tập thể lãnh đạo*” là tập thể có thẩm quyền quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định đối với cán bộ.

7. “*Cấp quản lý cán bộ*” là tập thể có thẩm quyền quản lý cán bộ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

8. “*Cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cấp có thẩm quyền*” là cơ quan chuyên trách tham mưu công tác tổ chức, cán bộ của các tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, trực tiếp tham mưu cho cấp có thẩm quyền tương ứng quyết định đối với cán bộ.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở phát huy trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn. Bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở cấp trên với cấp dưới, giữa các địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phấn đấu

quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm); tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương với quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chức danh lãnh đạo tỉnh.

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn; mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba người, một người quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp quản lý cán bộ. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 03 tháng.

Điều 4. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy, tập thể lãnh đạo các cấp nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Phải rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc không phù hợp với cơ cấu; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

Điều 5. Chức danh, đối tượng quy hoạch, thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Chức danh, đối tượng quy hoạch:

a) Thực hiện việc quy hoạch đối với các chức danh do tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

b) Ứng với mỗi chức danh quy hoạch có các đối tượng để xem xét, đưa vào quy hoạch (gồm đối tượng 1 và đối tượng 2); trường hợp một chức danh không xác định được đối tượng 2 thì quy hoạch chức danh đó chỉ có một đối tượng. Căn cứ quy định về đối tượng quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định cụ thể đối tượng quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch:

Tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền; xây dựng và đề xuất phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 6. Nhiệm kỳ, phương pháp, hiệu lực quy hoạch

1. Nhiệm kỳ quy hoạch:

a) Thực hiện việc quy hoạch cho 01 nhiệm kỳ và định hướng quy hoạch cho nhiệm kỳ kế tiếp.

b) Nhiệm kỳ quy hoạch đối với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, các chức danh lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng thực hiện theo nhiệm kỳ đại hội đảng; đối với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Đoàn Đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các cơ quan, đơn vị thuộc hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân thực hiện theo nhiệm kỳ Quốc hội và hội đồng nhân dân; đối với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội thực hiện theo nhiệm kỳ đại hội tổ chức đó; đối với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước thực hiện như đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý khối nhà nước.

2. Phương pháp quy hoạch:

a) Xây dựng quy hoạch cán bộ cho nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp (bao gồm cả việc xây dựng quy hoạch đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Đoàn Đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các cơ quan, đơn vị thuộc hội đồng nhân

dân, ủy ban nhân dân, các doanh nghiệp nhà nước); đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội.

b) Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 01 đến 02 lần cho nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp; trong đó có 01 lần thực hiện trong quý I sau khi tiến hành việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ hằng năm.

3. Hiệu lực quy hoạch:

a) Quy hoạch cán bộ có hiệu lực kể từ khi quyết định phê duyệt quy hoạch có hiệu lực thi hành.

b) Quy hoạch hết hiệu lực khi kết thúc nhiệm kỳ của chức danh quy hoạch. Cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch thì quyết định quy hoạch đối với đồng chí đó hết hiệu lực.

Điều 7. Hệ số, số lượng, cơ cấu quy hoạch

1. Hệ số, số lượng quy hoạch:

a) Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành đảng bộ lần thứ nhất xác định (không bao gồm các đồng chí đương nhiệm).

b) Mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 03 người; một người quy hoạch không quá 03 chức danh trong cùng một cấp quản lý cán bộ (không bao gồm quy hoạch các chức danh ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra).

c) Đối với các trường hợp đã được phê duyệt quy hoạch quá 1,5 lần (đối với quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp) hoặc quá 03 người (đối với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý) thì trước mắt có thể giữ nguyên, song cần tiến hành rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch những đồng chí không còn đảm bảo tiêu chuẩn điều kiện hoặc không phù hợp với cơ cấu nhằm đảm bảo số lượng theo quy định.

2. Cơ cấu quy hoạch:

Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 05 năm), trong đó phân đầu tỷ lệ cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện; dưới 35 tuổi đối với cấp xã) trong quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên. Đối với quy hoạch các chức danh chủ chốt cấp huyện; cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ. Tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với đặc điểm của từng địa phương, lĩnh vực.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện

1. Cán bộ đưa vào quy hoạch phải đảm bảo tiêu chuẩn chung của cán bộ lãnh đạo, quản lý theo các quy định hiện hành; phải được cấp có thẩm quyền xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên ít nhất 03 năm trong 05 năm liền kề trước thời điểm đề nghị quy hoạch (nếu có thời gian công tác từ 05 năm trở lên), trong đó năm liền kề trước thời điểm đề nghị quy hoạch được xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Nếu có thời gian công tác dưới 05 năm thì phải được cấp có thẩm quyền xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm liền kề.

2. Chưa đề xuất, phê duyệt quy hoạch đối với các cán bộ đang trong thời gian xem xét kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử. Trường hợp cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi quyết định kỷ luật hết hiệu lực thì có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định; tuy nhiên, cần đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn về mức độ xếp loại cán bộ năm liền kề trước thời điểm đề xuất quy hoạch.

3. Về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị:

a) Về trình độ chuyên môn: Nhân sự quy hoạch các chức vụ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; các chức danh chủ chốt cấp xã (bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân) phải tốt nghiệp đại học về chuyên môn trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh quy hoạch.

b) Về trình độ lý luận chính trị: Các nhân sự thuộc đối tượng 1 phải đảm bảo tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh quy hoạch; đối tượng 2 có thể chưa đảm bảo tiêu chuẩn về lý luận chính trị nhưng sau khi được phê duyệt quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định. Đối với các chức danh chỉ xác định được một đối tượng quy hoạch thì tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị thực hiện như đối tượng 2.

4. Về độ tuổi:

a) Nhân sự được quy hoạch ở nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 01 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, nhân sự đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi ít nhất từ 72 tháng trở lên.

b) Các đồng chí thuộc đối tượng 2 khi được quy hoạch cho nhiệm kỳ kế tiếp và rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại thì phải được quy hoạch các chức danh thuộc đối tượng 1 và đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên.

c) Thời điểm tính tuổi:

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Thời điểm tính tuổi quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, các chức danh lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng là thời điểm tiến hành đại hội đảng các cấp tương ứng; các chức danh lãnh đạo, quản lý hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Đoàn Đại biểu Quốc hội, các cơ quan, đơn vị thuộc hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước thực hiện như đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý khối nhà nước.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cấp có thẩm quyền (Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; ban tổ chức các huyện, thị, thành ủy đối với các chức danh thuộc diện ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy quản lý...) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự.

Điều 9. Quy trình quy hoạch

Quy trình quy hoạch gồm quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn tại chỗ và quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác.

Điều 10. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình và đầy đủ hồ sơ nhân sự theo quy định, cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch. Trường hợp cần thiết có thể kéo dài thời gian nhưng không được quá 15 ngày làm việc.

Điều 11. Công khai, quản lý quy hoạch

1. Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân cán bộ biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bố trí, sử dụng cán bộ trong quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức

trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ, cơ cấu nguồn nhân sự trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

3. Ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) kết quả phê duyệt quy hoạch ban chấp hành đảng bộ các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc (về số lượng, chất lượng, cơ cấu; kèm theo quyết định phê duyệt quy hoạch) chậm nhất 30 ngày kể từ khi phê duyệt.

Điều 12. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ từ trần, quá tuổi quy hoạch, bị cấp có thẩm quyền kỷ luật từ khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không đảm bảo tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch.

Chương II

QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH THUỘC ĐIỆN BỘ CHÍNH TRỊ, BAN Bí THƯ QUẢN LÝ

Điều 13. Đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình quy hoạch các chức danh bí thư, phó bí thư Tỉnh ủy, chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND tỉnh, trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh

Thực hiện theo Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương.

Chương III

QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH THUỘC ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

Điều 14. Đối tượng quy hoạch

1. Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

a) *Đối tượng 1:* Cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương (đối với cấp phó thì phải được quy hoạch chức danh cấp trưởng, trừ cấp phó ở các cơ quan, đơn vị có chức danh cấp trưởng được cơ cấu tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy); bí thư, phó bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân thì phải được quy hoạch chức danh bí thư).

b) Đối tượng 2: Trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; ủy viên ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy

a) Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

b) Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương (đối với cấp phó thì phải được quy hoạch chức danh cấp trưởng); bí thư (nếu chưa tham gia cấp ủy tỉnh); phó bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân thì phải được quy hoạch chức danh bí thư).

3. Quy hoạch chức danh phó chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh: Thực hiện như đối với quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quy hoạch chức danh phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc tỉnh (chuyên trách): Thực hiện như quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

4. Quy hoạch chức danh cấp trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương.

a) Đối tượng 1: Cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; phó bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Đối tượng 2: Trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; ủy viên ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; cấp trưởng các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên.

5. Quy hoạch chức danh cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương.

a) Đối tượng 1: Trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; ủy viên ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; cấp trưởng các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên.

b) Đối tượng 2: Phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương;

ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện và tương đương; cấp phó, thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên.

6. Quy hoạch ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc

a) *Đối tượng 1*: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ các huyện, thị xã, thành phố và đảng ủy trực thuộc.

b) *Đối tượng 2*: Trưởng, phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương (đối với cấp phó thì phải được quy hoạch chức danh cấp trưởng); bí thư (nếu chưa tham gia cấp ủy cấp huyện); phó bí thư các xã, phường, thị trấn, tổ chức cơ sở đảng trực thuộc; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã (đối với phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân thì phải được quy hoạch chức danh bí thư).

7. Quy hoạch chức danh bí thư các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc

a) *Đối tượng 1*: Phó bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương.

b) *Đối tượng 2*: Ủy viên ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; cấp trưởng các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên.

8. Quy hoạch chức danh phó bí thư các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện

a) *Đối tượng 1*: Ủy viên ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; cấp trưởng các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên.

b) *Đối tượng 2*: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện và tương đương; phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; cấp phó, thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên.

9. Quy hoạch phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện như đối với quy hoạch ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy.

10. Quy hoạch cấp trưởng các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên

a) *Đối tượng 1*: Cấp phó, thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên) các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên; phó trưởng phòng, ban, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện và tương đương.

b) *Đối tượng 2*: Trưởng các phòng, ban, đơn vị và tương đương trực thuộc các doanh nghiệp Nhà nước.

11. Quy hoạch cấp phó các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên

a) *Đối tượng 1*: Trưởng các phòng, ban, đơn vị và tương đương trực thuộc các doanh nghiệp Nhà nước.

b) *Đối tượng 2*: Cấp phó các phòng, ban, đơn vị và tương đương trực thuộc các doanh nghiệp Nhà nước.

12. Đối với các chức danh khác, tùy theo tính chất, đặc thù của tổ chức, cơ quan, đơn vị để thực hiện tương tự như đối với các chức danh nêu trên.

Điều 15. Quy trình quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch các chức danh ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh, phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc tỉnh (*chuyên trách*): Thực hiện như quy trình quy hoạch đối với các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

2. Quy trình quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý còn lại: Thực hiện theo điều 16, điều 17, Quy định này.

Điều 16. Quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. **Bước 1**: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán

bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau:

- Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Kế hoạch gồm các nội dung cơ bản sau: Số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, cơ cấu (về đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số), trình tự, thời gian thực hiện...

- Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nhân sự đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch. Danh sách bao gồm các thông tin cơ bản sau: Họ và tên; tháng, năm sinh; dân tộc; giới tính; quê quán; năm vào đảng; trình độ đào tạo; chức vụ, đơn vị công tác; kết quả xếp loại trong 3 năm liền kề.

2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1

a) Thành phần hội nghị:

- Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương: Cấp trưởng, cấp phó, ban cán sự đảng (nếu có).

- Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội cấp tỉnh: Đảng đoàn, ban thường vụ, ban thường trực.

- Đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; ban chấp hành chi, đảng bộ cơ sở.

- Đối với các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Ban thường vụ.

b) Nội dung hội nghị: Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích và thông qua:

- Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Danh sách nhân sự đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch trình hội nghị cán bộ chủ chốt.

3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

a) Thành phần hội nghị:

- Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương: Ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng (nếu có); lãnh đạo cơ quan, đơn vị; cấp ủy viên cấp ủy cơ sở;

trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; trưởng, phó các đoàn thể cơ quan sở, ban, ngành và tương đương; trưởng phòng, ban huyện, thị xã, thành phố liên quan.

Nơi có số lượng cán bộ được triệu tập tham gia lấy ý kiến dưới 15 người (trừ cấp huyện) hoặc số lượng biên chế được giao dưới 30 người thì lấy ý kiến đến công chức, viên chức cơ quan sở, ban, ngành cấp tỉnh (trừ công chức, viên chức tập sự, người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, ngày 17/11/2000, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, ngày 29/11/2018 của Chính phủ có thời gian công tác thực tế tại cơ quan dưới 12 tháng và người do cơ quan tự hợp đồng lao động).

- Đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội cấp tỉnh: Ủy viên đảng đoàn; ủy viên ban chấp hành; lãnh đạo cơ quan, đơn vị; cấp ủy viên cấp cơ sở; trưởng, phó các ban, đơn vị trực thuộc, đoàn thể cơ quan; trưởng các tổ chức trực thuộc cấp huyện.

- Đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc; ủy viên ban chấp hành chi, đảng bộ cơ sở; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; trưởng, phó các đoàn thể doanh nghiệp.

Nơi có số lượng cán bộ được triệu tập tham gia lấy ý kiến dưới 15 người thì lấy đến cán bộ, nhân viên văn phòng doanh nghiệp (trừ cán bộ, nhân viên tập sự và người hợp đồng lao động vụ việc).

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân; trưởng phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và tương đương; bí thư, phó bí thư đảng ủy, bí thư chi bộ cơ sở; chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Đối với các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc và tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp; bí thư, phó bí thư đảng ủy, bí thư chi bộ cơ sở.

b) Nội dung hội nghị:

- Chủ trì hội nghị (người đứng đầu hoặc 1 đồng chí cấp phó cơ quan, đơn vị, địa phương) quán triệt về mục đích, yêu cầu công tác quy hoạch cán bộ.

- Đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ trình bày kế hoạch triển khai công tác quy hoạch, danh sách nhân sự được hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1 thông qua.

- Hội nghị thảo luận, nghiên cứu danh sách nhân sự do cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ cung cấp; tiến hành lấy phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch trong danh sách được hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1 thông qua hoặc giới thiệu đồng chí khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (*theo mẫu 01-QHCB*) (*kết quả phiếu không công bố tại hội nghị này*).

- Nguyên tắc lựa chọn: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu (hoặc giới thiệu thêm ngoài danh sách) phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

4. **Bước 4:** Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

a) *Thành phần hội nghị:*

- Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương: Ủy viên đảng đoàn, ban cán sự đảng (nếu có); lãnh đạo cơ quan, đơn vị; ủy viên ban thường vụ đảng ủy (nơi không có ban thường vụ là cấp ủy viên cấp cơ sở); cấp trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; trưởng các đoàn thể cơ quan, đơn vị.

- Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Ủy viên Đảng đoàn; chủ tịch, phó chủ tịch UBMTTQVN tỉnh; cấp ủy viên cấp cơ sở; trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

- Đối với các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Ủy viên ban chấp hành.

- Đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ từ hạng 2 trở lên: Hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên; tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc; ủy viên ban chấp hành chi, đảng bộ cơ sở; trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; trưởng các đoàn thể doanh nghiệp.

b) *Nội dung hội nghị:*

- Chủ trì hội nghị (người đứng đầu hoặc 1 đồng chí cấp phó cơ quan, đơn vị, địa phương) quán triệt về mục đích, yêu cầu công tác quy hoạch cán bộ.

- Đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ trình bày kế hoạch triển khai công tác quy hoạch (*nếu cần thiết*); danh sách nhân sự được hội nghị cán bộ chủ chốt giới thiệu.

- Hội nghị thảo luận, nghiên cứu danh sách nhân sự do cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ cung cấp; tiến hành lấy phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch trong danh sách được hội nghị cán bộ chủ chốt giới thiệu hoặc giới thiệu đồng chí khác có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định (*theo mẫu 01-QHCB*) (*kết quả phiếu không công bố tại hội nghị này*).

- Nguyên tắc lựa chọn: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu (hoặc giới thiệu thêm ngoài danh sách) phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

5. **Bước 5:** Lấy ý kiến của cấp ủy nơi công tác (*theo mẫu 05-QHCB*) và cấp ủy nơi cư trú (*theo mẫu 06-QHCB*).

6. **Bước 6:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

- Căn cứ vào kế hoạch triển khai quy hoạch đã được thông qua; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước trước, tập thể lãnh đạo xem xét, phân tích, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) và bỏ phiếu biểu quyết nhân sự quy hoạch (*theo mẫu 02-QHCB*).

- Nguyên tắc lựa chọn: Nhân sự được lựa chọn phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có nhiều đồng chí có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, quyết định.

- Căn cứ kết quả biểu quyết, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo lập hồ sơ trình Ban Thường vụ hoặc Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo phân cấp.

Điều 17. Quy trình rà soát, bổ sung hằng năm

1. Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; thực trạng đội ngũ cán bộ trong quy hoạch; yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương; kết quả đánh giá cán bộ hằng năm, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ tiến hành rà soát, đề xuất danh sách đưa ra khỏi quy hoạch và bổ sung quy hoạch. Trong đó, cần phân tích, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch), xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu nguồn nhân sự hoặc chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để xem xét, giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

2. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn tại chỗ

a) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1

- Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo thảo luận, phân tích, bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện hoặc không còn phù hợp với cơ

cầu, yêu cầu, nhiệm vụ (theo mẫu 03-QHCB); thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến các hội nghị.

- Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch. Đối với những trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch thì không cần phải bỏ phiếu.

b) Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt

- Chủ trì hội nghị (người đứng đầu hoặc 1 đồng chí cấp phó cơ quan, đơn vị, địa phương) quán triệt về mục đích, yêu cầu, sự cần thiết phải bổ sung quy hoạch.

- Đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ cung cấp danh sách nhân sự được hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1 thông qua. Hội nghị thảo luận, nghiên cứu danh sách và tiến hành lấy phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch trong danh sách được hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1 thông qua hoặc giới thiệu đồng chí khác có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định (theo mẫu 01-QHCB) (kết quả phiếu không công bố tại hội nghị này).

- Nguyên tắc lựa chọn: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu (hoặc giới thiệu thêm ngoài danh sách) phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

c) Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

- Chủ trì hội nghị (người đứng đầu hoặc 1 đồng chí cấp phó cơ quan, đơn vị, địa phương) quán triệt về mục đích, yêu cầu, sự cần thiết phải bổ sung quy hoạch.

- Đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ cung cấp danh sách nhân sự được hội nghị cán bộ chủ chốt giới thiệu. Hội nghị thảo luận, nghiên cứu danh sách và tiến hành lấy phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch trong danh sách được hội nghị cán bộ chủ chốt giới thiệu hoặc giới thiệu đồng chí khác có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định (theo mẫu 01-QHCB) (kết quả phiếu không công bố tại hội nghị này).

- Nguyên tắc lựa chọn: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu (hoặc giới thiệu thêm ngoài danh sách) phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

d) Bước 4: Lấy ý kiến của cấp ủy nơi công tác (theo mẫu 05-QHCB) và cấp ủy nơi cư trú (theo mẫu 06-QHCB).

e) Bước 5: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

- Căn cứ vào nhu cầu bổ sung quy hoạch; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và kết quả giới

thiệu nhân sự ở các bước trước, tập thể lãnh đạo xem xét, phân tích, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) và bỏ phiếu biểu quyết nhân sự bổ sung quy hoạch (theo mẫu 02-QHCB).

- Nguyên tắc lựa chọn: Nhân sự được lựa chọn phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có nhiều đồng chí có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, quyết định.

- Căn cứ kết quả biểu quyết, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo lập hồ sơ trình Ban Thường vụ hoặc Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo phân cấp.

3. Quy trình bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác

a) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1: Thực hiện như quy định tại điểm a, khoản 2, điều này.

b) **Bước 2:** Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương nơi cán bộ đang công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; lấy nhận xét, đánh giá, phối hợp hoàn thiện hồ sơ nhân sự theo quy định. Nếu cần thiết thì gặp gỡ, trao đổi trực tiếp.

c) **Bước 3:** Hội nghị tập thể lãnh đạo lần 2: Thực hiện như quy định tại điểm e, khoản 2, điều này.

Điều 18. Một số lưu ý trong quá trình thực hiện quy trình nhân sự

1. Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch thực hiện như quy trình quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp.

2. Các hội nghị chỉ được tiến hành khi có tối thiểu 2/3 cán bộ thuộc thành phần được triệu tập có mặt, riêng hội nghị tập thể lãnh đạo nơi có số lượng dưới 05 đồng chí chỉ được tiến hành khi có 100% cán bộ thuộc thành phần tham dự có mặt (trừ trường hợp bất khả kháng song phải đạt tối thiểu 2/3 tổng số thành viên lãnh đạo). Cán bộ thuộc thành phần tham dự vắng mặt thì không ủy quyền cho người khác dự thay; cơ quan, đơn vị chưa có cấp trưởng thì đồng chí quyền cấp trưởng hoặc cấp phó phụ trách được tham dự các hội nghị. Trường hợp một người tham gia nhiều vị trí thuộc thành phần tham dự thì chỉ bỏ một phiếu.

2. Phiếu của các hội nghị được lưu giữ theo chế độ tài liệu mật trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo kết quả kiểm phiếu, quá 6 tháng nếu không có khiếu nại, tố cáo về kết quả kiểm phiếu thì tiến hành hủy phiếu.

3. Việc xác định phiếu hợp lệ và không hợp lệ được vận dụng theo quy chế bầu cử trong Đảng hiện hành.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch

Danh mục hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch gồm các nội dung sau (trong đó các mục 3, 4, 5, 6, 7 không quá 06 tháng tính đến thời điểm đề nghị quy hoạch):

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch.

2. Bảng tổng hợp kết quả phiếu qua các hội nghị (biên bản làm việc đối với nguồn nhân sự từ nơi khác).

3. Lý lịch (mẫu 2a/TCTW) do cá nhân tự khai, được cơ quan chức năng xác nhận (cán bộ tự viết tay, có dán ảnh màu khổ 4x6cm, đóng dấu giáp lai trên ảnh và giữa các trang có khai). Trường hợp nhân sự đã có lý lịch theo mẫu 2a/TCTW lưu tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy đảm bảo quy định thì bổ sung lý lịch theo mẫu 2d/TCTW từ thời điểm khai lý lịch 2a/TCTW.

4. Nhận xét, đánh giá của đảng đoàn, ban cán sự đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị (đối với cán bộ ở cơ quan, đơn vị cấp tỉnh), ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (đối với cán bộ ở các huyện, thị xã, thành phố và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy) trong 03 năm gần nhất về: (1) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong, lề lối làm việc; đoàn kết nội bộ; (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ; (3) Uy tín và triển vọng phát triển (theo mẫu 04-QHCB).

5. Nhận xét, đánh giá của cấp ủy nơi cư trú và cấp ủy nơi công tác.

6. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền.

7. Bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định (có biên bản công khai).

8. Bản sao (có công chứng) các văn bằng, chứng chỉ về trình độ học vấn (bằng tốt nghiệp trung học phổ thông), chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh, ngoại ngữ, tin học theo quy định...

Trường hợp nhân sự có bằng tiến sĩ, thạc sĩ, đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc cơ sở đào tạo trong nước liên kết với nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định.

9. Văn bản khác (nếu có yêu cầu).

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế những quy định trước đây về quy hoạch cán bộ không phù hợp với Quy định này.

Điều 21. Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại cơ quan, đơn vị, địa phương; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh thuộc cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

2. Chỉ đạo xây dựng, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định theo phân cấp. Thực hiện quy trình nhân sự; kết luận về tiêu chuẩn chính trị theo thẩm quyền; nhận xét, đánh giá cán bộ; hoàn thiện hồ sơ nhân sự và trình phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên.

3. Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

Điều 22. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; tổng hợp những vấn đề nảy sinh cần bổ sung, sửa đổi, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
 - Ban Tổ chức Trung ương,
 - Vụ II, BTC Trung ương,
 - Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; DNNN hạng I&II,
 - Ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.
- } (Báo cáo)

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Lê Quang Tùng

(tên cấp uỷ/cơ quan, đơn vị)

....., ngày tháng năm 202.....

*

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

về nhân sự giới thiệu quy hoạch chức danh.....
(tại hội nghị cán bộ chủ chốt/hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng)

1. Chức danh...

a) Danh sách do hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1 thông qua/hội nghị cán bộ chủ chốt giới thiệu:

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo			Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Ý kiến	
			Chuyên môn		LL CT		Đồng ý	Không đồng ý
			Bậc	Ngành				
1.								
2.								
...								

b) Giới thiệu nhân sự khác:

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay
1.			
2.			

2. Chức danh....

a) Danh sách do hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1 thông qua/hội nghị cán bộ chủ chốt giới thiệu:

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo			Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Ý kiến	
			Chuyên môn		LL CT		Đồng ý	Không đồng ý
			Bậc	Ngành				
1.								
2.								
...								

b) Giới thiệu nhân sự khác:

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay
1.			
2.			

.....
(tên cấp uỷ/cơ quan, đơn vị)

....., ngày tháng năm 202.....

*

PHIẾU BIỂU QUYẾT
về nhân sự quy hoạch chức danh.....
(tại hội nghị tập thể lãnh đạo lần 2)

1. Chức danh...

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo			Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Biểu quyết	
			Chuyên môn		LL CT		Đồng ý	Không đồng ý
			Bậc	Ngành				
1.								
2.								
...								

2. Chức danh....

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo			Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Biểu quyết	
			Chuyên môn		LL CT		Đồng ý	Không đồng ý
			Bậc	Ngành				
1.								
2.								
...								

.....
(tên cấp uỷ/cơ quan, đơn vị)

....., ngày tháng năm 202.....

*

PHIẾU BIỂU QUYẾT
đưa ra khỏi quy hoạch chức danh.....
(tại hội nghị tập thể lãnh đạo lần 1)

1. Chức danh...

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo			Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Biểu quyết	
			Chuyên môn		LL CT		Đồng ý	Không đồng ý
			Bậc	Ngành				
1.								
2.								
...								

2. Chức danh....

TT	Họ và tên	Tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo			Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Biểu quyết	
			Chuyên môn		LL CT		Đồng ý	Không đồng ý
			Bậc	Ngành				
1.								
2.								
...								

.....
(tên cấp uỷ/cơ quan, đơn vị)

*

....., ngày tháng năm 202.....

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ TỪ THÁNG/NĂM - NAY

Họ và tên: Sinh ngày:

Ngày vào Đảng:; Ngày chính thức:

Quê quán:

Nơi ở hiện nay:

Trình độ đào tạo (chuyên môn, lý luận chính trị):

Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay:

1. Ưu điểm

a) Về phẩm chất chính trị; đạo đức, lối sống; ý thức tổ chức kỷ luật; tác phong, lề lối làm việc

- Về phẩm chất chính trị (Quan điểm, lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị; việc chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng; ý thức nghiên cứu, học tập, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các đợt sinh hoạt chính trị và cập nhật kiến thức mới...)

- Về đạo đức, lối sống (Phẩm chất đạo đức, lối sống; tinh thần đoàn kết, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp; tinh thần và thái độ phục vụ nhân dân; tự nhận diện các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi; việc để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi...)

- Về tác phong, lề lối làm việc (Tinh thần trách nhiệm với công việc, tính năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ; phương pháp làm việc; tinh thần hợp tác, hướng dẫn, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp...)

- Về ý thức tổ chức kỷ luật (Việc chấp hành sự phân công của tổ chức, yên tâm công tác; việc thực hiện các quy định, quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị,

địa phương nơi công tác; việc thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập; việc cung cấp thông tin, chế độ báo cáo với cấp trên...).

b) Về năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao

- Năng lực nghiên cứu, vận dụng và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả công việc trên các chức trách, nhiệm vụ được giao.

c) Về uy tín và triển vọng phát triển

2. Hạn chế, khuyết điểm

Đánh giá theo các nội dung như mục 1.

3. Kết luận đánh giá

- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ:
- Chiều hướng phát triển:./.

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị
(ký và ghi rõ họ, tên)

ĐẢNG BỘ.....
 ĐẢNG ỦY/CHI ỦY.....
 *

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm 202...

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

- Họ và tên đảng viên được nhận xét:

- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay:

NHẬN XÉT NHỮNG ƯU, KHUYẾT ĐIỂM CHÍNH

1. Về tư tưởng chính trị:

.....

2. Về phẩm chất đạo đức, lối sống:

.....

3. Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao:

.....

4. Về ý thức tổ chức kỷ luật:

.....

5. Nhận xét khác:

.....

T/M ĐẢNG ỦY/CHI ỦY
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Rất tích cực ☐Tích cực ☐Chưa tích cực ☐

6. Đề nghị cấp ủy cơ sở nơi đảng viên công tác biểu dương hoặc xem xét xử lý theo quy định đối với đảng viên chưa thực hiện tốt.

Biểu dương ☐Không đề nghị ☐Xem xét xử lý ☐

7. Nhận xét khác

**XÁC NHẬN CỦA ĐẢNG ỦY
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

T/M CHI BỘ/CHI ỦY
(Ký, ghi rõ họ và tên)